

Số: 347/2026/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 18 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 395/2026/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 5 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Trần Đình T, sinh năm 1995. Số CCCD: 046095013838 cấp ngày 22/11/2023. Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường T, thành phố H.

- Chị Trần Thị Mỹ N, sinh năm 1994. Số CCCD: 046194014245 cấp ngày 15/09/2022. Địa chỉ: chung cư V đường V, phường V, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đình T và chị Trần Thị Mỹ N sau thời gian quen biết, tìm hiểu, đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 04/3/2024, tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường P, thành phố H). Thời điểm đăng ký có đủ điều kiện kết hôn theo quy định. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung tại chung cư V, khu C, phường V, thành phố H. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do suy nghĩ, nhận thức của cả hai bên không tương đồng, không tìm được tiếng nói chung và những vấn đề mâu thuẫn khác không thể hòa giải được. Xét thấy, mâu thuẫn hôn nhân giữa anh T, chị N đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình

chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Trần Đình T và chị Trần Thị Mỹ N.

[2] Về con chung: Anh Trần Đình T và chị Trần Thị Mỹ N công nhận vợ chồng có 02 người con chung tên là Trần Đình Anh Q, sinh ngày 28/11/2019 và Trần Hà V, sinh ngày 18/10/2023. Hiện nay, cháu Q đang sống với anh T, cháu V đang sống cùng chị N. Anh T và chị N thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn, giao cháu Trần Đình A Q cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi cháu Q đủ 18 tuổi; giao cháu Trần Hà V cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi cháu V đủ 18 tuổi; Anh T và chị N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Đình T và chị Trần Thị Mỹ N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trần Đình T và chị Trần Thị Mỹ N trình bày vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh T và chị N mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh T, chị N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0001805 ngày 28 tháng 5 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố H. Anh T, chị N đã nộp đủ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 10 tháng 06 năm 2026, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đình T và chị Trần Thị Mỹ N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Trần Đình A Q cho anh Trần Đình T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi cháu Q đủ 18 tuổi; giao cháu Trần Hà V cho chị Trần Thị Mỹ N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi cháu V đủ 18 tuổi; Hiện nay, cháu Q đang sống với anh T, cháu V đang sống cùng chị N. Anh T và chị N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Đình T và chị Trần Thị Mỹ N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trần Đình T và chị Trần Thị Mỹ N trình bày vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn: Anh T và chị N mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh T, chị N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0001805 ngày 28 tháng 5 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố H. Anh T, chị N đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 1 – Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Phòng THADS khu vực 1 – Huế;
- UBND phường Phong Thái, TP. Huế;
- (ĐKKH số: 18, ngày 04/3/2024);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thúy Hồng